

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tiếp tục có phiên tăng điểm khi tâm lý nhà đầu tư được hỗ trợ bởi dự báo lạc quan của ICAEW với GDP Việt Nam năm 2021 đạt 8%

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tiếp tục mở rộng đà tăng nhờ diễn biến tích cực của TTCK cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

POW, PVS, MBB

[Vĩ mô/Chiến lược]

Triển vọng vĩ mô 2021

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn, kết hợp mua/bán trading quay vòng 1 phần nhỏ ngắn hạn khi nhịp rung lắc xảy ra

11/01/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,184.89	+1.47
VN30	1,163.40	+1.35
HĐTL VN30F1M	1,193.10	+1.40
HNXIndex	219.12	+0.79
HNX30	353.63	+0.60
UPCoM	76.95	+1.16
USD/VND	23,063	-0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.35	-1
Lãi suất qua đêm (%)	0.14	+4
Dầu (WTI, \$)	51.94	-0.57
Vàng (LME, \$)	1,851.38	+0.13



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,184.89 (+1.47%)
KLGD (triệu CP) 776.2 (+7.2%)
GTGD (triệu US\$) 803.9 (+3.8%)

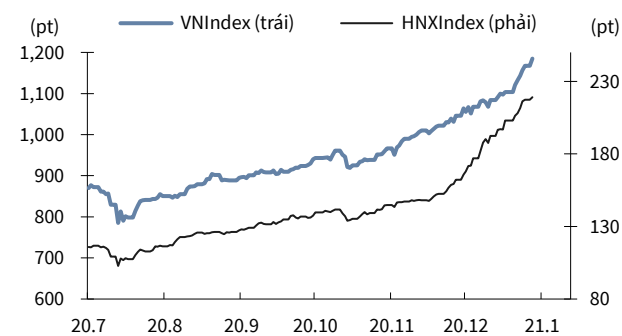
HNXIndex 219.12 (+0.79%)
KLGD (triệu CP) 138.2 (-15.7%)
GTGD (triệu US\$) 91.3 (-6.5%)

UPCoM 76.95 (+1.16%)
KLGD (triệu CP) 52.4 (-48.6%)
GTGD (triệu US\$) 36.9 (-4.8%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -14.5

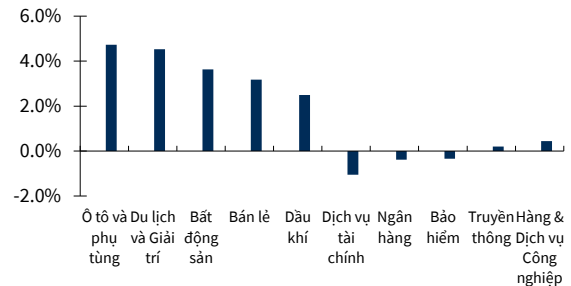
TTCK Việt Nam tiếp tục có phiên tăng điểm khi tâm lý nhà đầu tư được hỗ trợ bởi dự báo lạc quan của ICAEW với GDP Việt Nam năm 2021 đạt 8%. Cổ phiếu nhóm bất động sản khu công nghiệp tăng giá TIP (+5.6%), SZL (+3.3%), SNZ (+2.8%) trước thông tin từ CBRE Việt Nam cho thấy giá thuê đất KCN miền Bắc và miền Nam tăng 20% đến 30% so với cùng kỳ năm trước trong quý 4, trong khi tỷ lệ lấp đầy cũng được cải thiện. Cũng theo CBRE Việt Nam, giá bán chung cư trung bình tăng khoảng 4 - 6% so với năm trước, và nguồn cung năm nay dự kiến được cải thiện trong khoảng 24,000 - 26,000 căn giúp cổ phiếu nhóm bất động sản tăng giá ở VHM (+7%), KDH (+6.7%), NLG (+4.2%). Cổ phiếu HVN (+6.8%) tăng trần sau thông tin Chính phủ ban hành Nghị quyết 194 đồng ý cho các tổ chức tín dụng vay tái cấp vốn tối đa 4,000 tỷ đồng với lãi suất 0% để cung cấp khoản vay cho HVN, kéo theo diễn biến tăng mạnh ở các cổ phiếu hàng không khác như VJC (+3.8%), ACV (+2.5%). Khối ngoại bán ròng ở LPB (-1.1%), HPG (+0.7%), VND (-4.4%).

VNIndex & HNXIndex



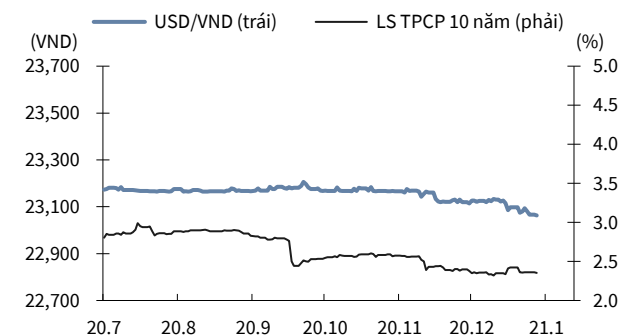
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



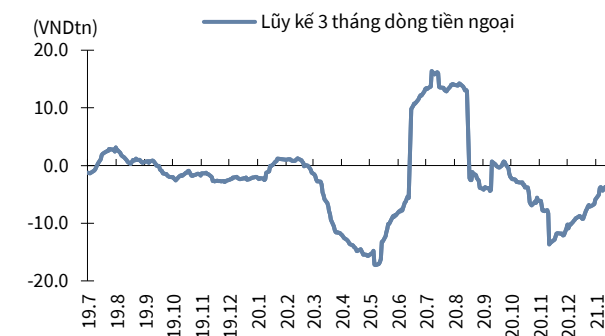
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

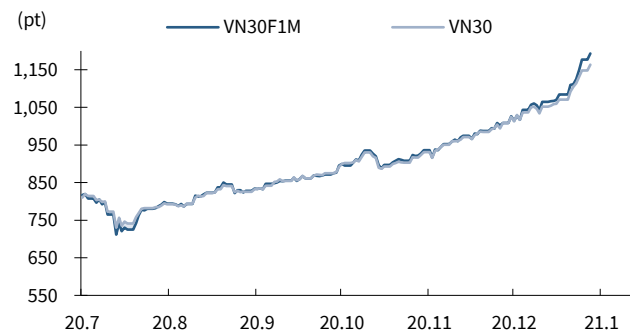
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,163.40 (+1.35%)
VN30F1M	1,193.1 (+1.40%)
Mở cửa	1,180.9
Cao nhất	1,196.8
Thấp nhất	1,177.2

HĐTL tiếp tục mở rộng đà tăng nhờ diễn biến tích cực của TTCK cơ sở. Chênh lệch F2101 và VN30 mở cửa ở mức 33.7 và giao động trong ngưỡng 19.8 và 27.9 trước khi mở rộng vào cuối phiên khi bên LONG gia tăng trạng thái, đóng cửa ở ngưỡng 29.7. NĐTNN bán ròng nhẹ trong phiên hôm nay trong khi thanh khoản suy giảm.

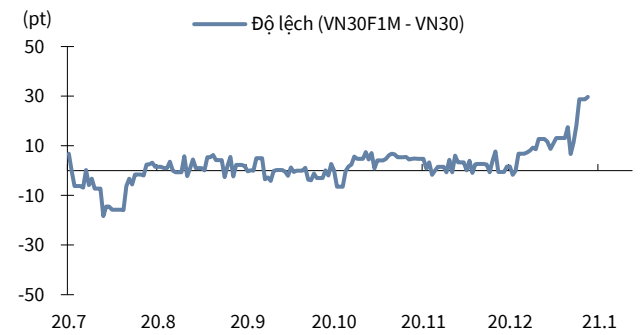
KLGD (HĐ)	124,835 (-35.2%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



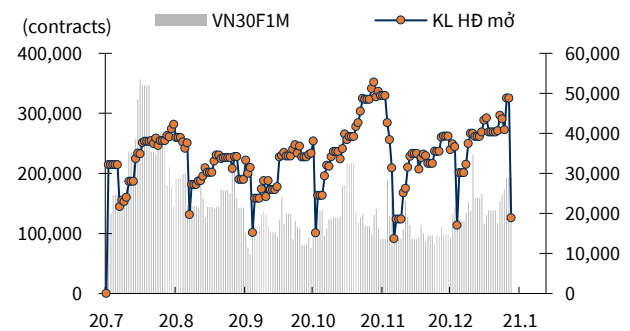
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



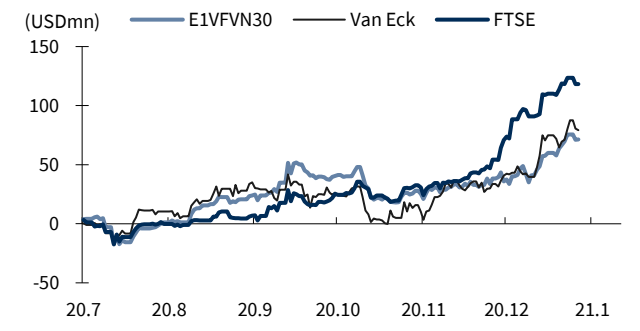
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

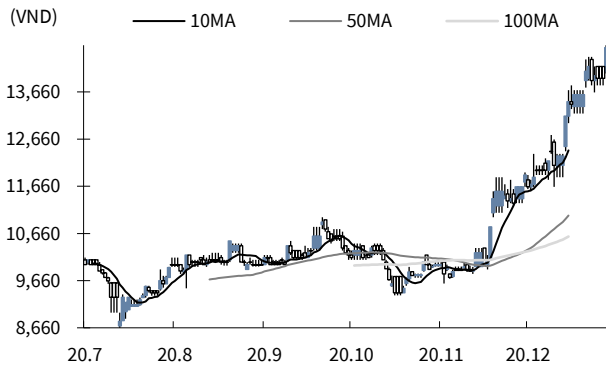
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

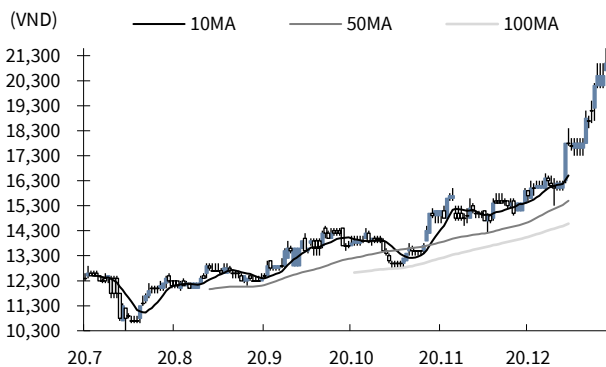
PVPower (POW)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- POW tăng 4.7% lên 14,600 VNĐ/cp.
- POW công bố kết quả kinh doanh ước tính 2020 với lợi nhuận 2,335 tỷ đồng (-7% YoY), doanh thu đạt 30,472 tỷ đồng (-14% YoY) và sản lượng điện 19.3 triệu kWh. Giai đoạn 2021-2026, POW lên phương án thoái vốn Hòa Na, NT2 xuống 51% cùng nhiều công ty khác và thực hiện các thủ tục có liên quan đối với việc chấm dứt hoạt động của Công ty Thủy điện Sơn Trà – Sông Đà và Công ty Năng lượng châu Á Thái Bình Dương.

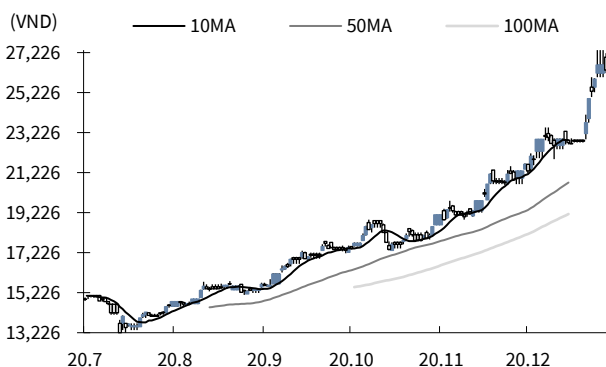
Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PVS)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PVS tăng 2.4% lên 21,000 VNĐ/cp.
- PVS công bố kết quả kinh doanh ước tính năm 2020 lợi nhuận trước thuế đạt hơn 1,000 tỷ đồng (-9% YoY), doanh thu 18,000 tỷ đồng (+2% YoY). Trên cơ sở đánh giá cơ hội, khó khăn và thách thức, PVS đặt mục tiêu năm 2021 với lợi nhuận trước thuế 700 tỷ đồng (-30% YoY) và doanh thu 10,000 tỷ đồng (-44% YoY).

MBBank (MBB)



- MBB giảm -0.9% xuống 26,350 VNĐ/cp.
- MBB ước tính lợi nhuận hợp nhất đạt 10,688 tỷ đồng (+6.5% YoY), tổng tài sản 495 nghìn tỷ (+19.6% YoY), dư nợ tín dụng đạt 307 nghìn tỷ (+23% YoY), tỷ lệ nợ xấu đạt 1.1%. Ngân hàng đặt kế hoạch năm 2021 với LNTT tăng 25-30%, tổng tài sản tăng 15% lên mức 545 nghìn tỷ VND và tỷ lệ nợ xấu duy trì dưới 1.3%.

Triển vọng vĩ mô 2021

Vượt qua đêm tối

Việt Nam đã chứng kiến mức tăng trưởng GDP 2020 ở mức thấp nhất trong vòng 20 năm qua. Dù vậy, sự hồi phục của ngành nông nghiệp, hoạt động sản xuất và đặc biệt tiêu dùng nội địa trong nửa cuối năm 2020 là điểm sáng và giúp Việt Nam trở thành một trong số ít quốc gia hiếm hoi trên thế giới vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng dương. Thành quả trên đến từ những nỗ lực chống dịch của Chính phủ, cùng với chính sách mở rộng tiền tệ và tài khóa phù hợp, giúp hỗ trợ tăng trưởng kinh tế nhưng vẫn kiểm soát tốt lạm phát và duy trì tỷ giá ổn định.

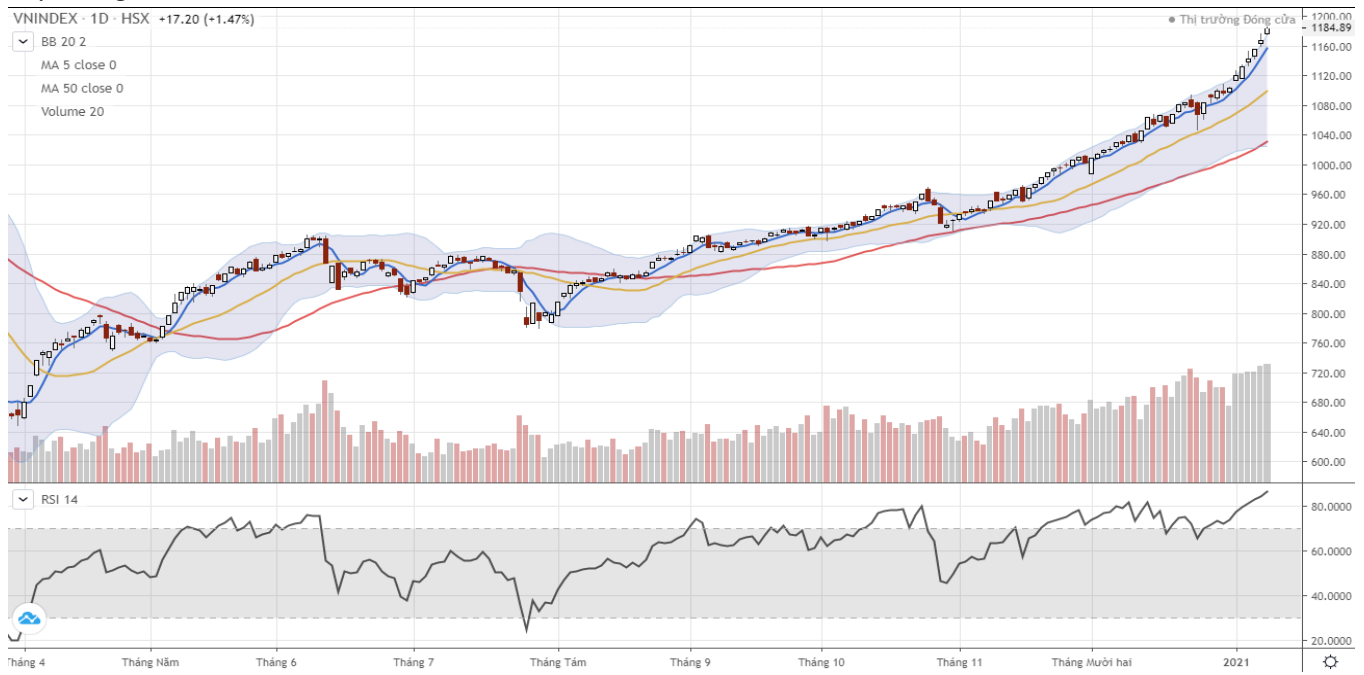
Một số dự báo của KBSV về kinh tế Việt Nam trong 2021 như sau:

- 1) Tăng trưởng GDP năm 2021 ở mức 6.6%, với sự hồi phục của nhu cầu tiêu dùng nội địa, hoạt động sản xuất, các hiệp định thương mại và đầu tư FDI;
- 2) CPI bình quân ở mức 3.6% cho cả năm 2021, nằm trong mục tiêu lạm phát mà Chính phủ đề ra;
- 3) Chính sách tiền tệ duy trì trạng thái nới lỏng có kiểm soát, với tăng trưởng cung tiền và tín dụng lần lượt là 14% và 13%. Đồng VNĐ được kỳ vọng sẽ tăng giá trong năm 2021 sau những động thái thay đổi chính sách mua ngoại tệ của NHNN và cáo buộc thao túng tiền tệ từ Mỹ.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

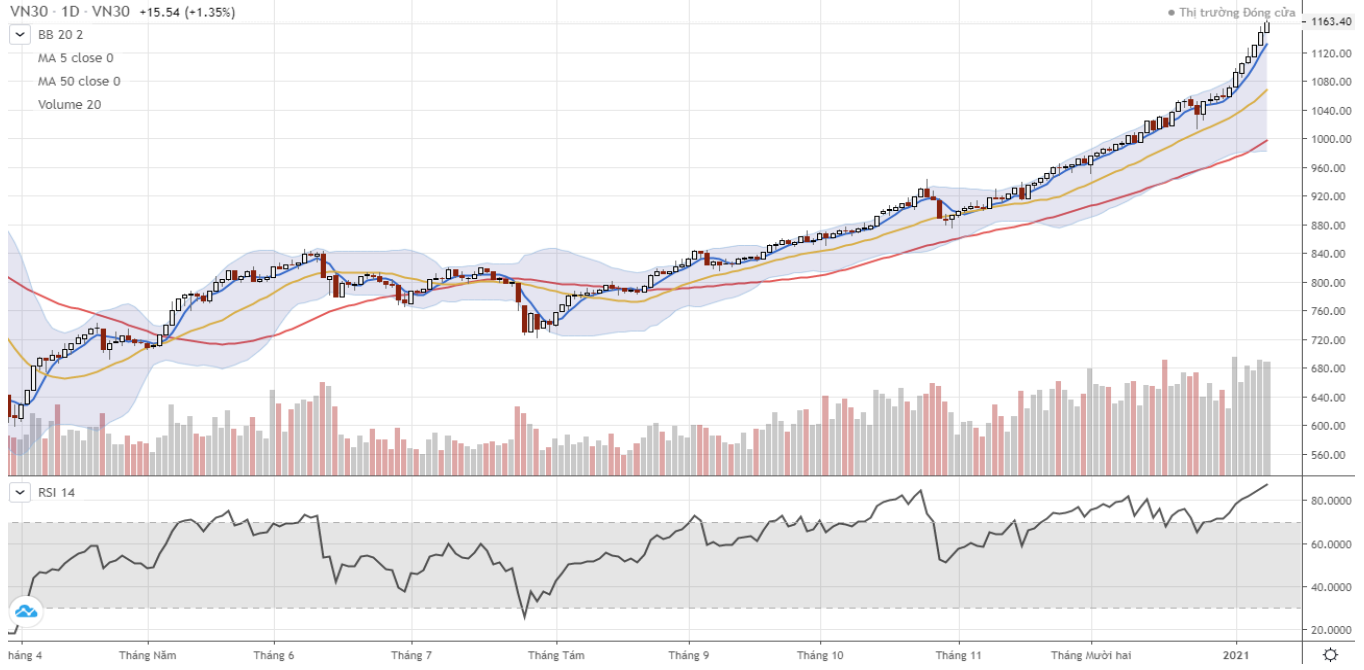
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



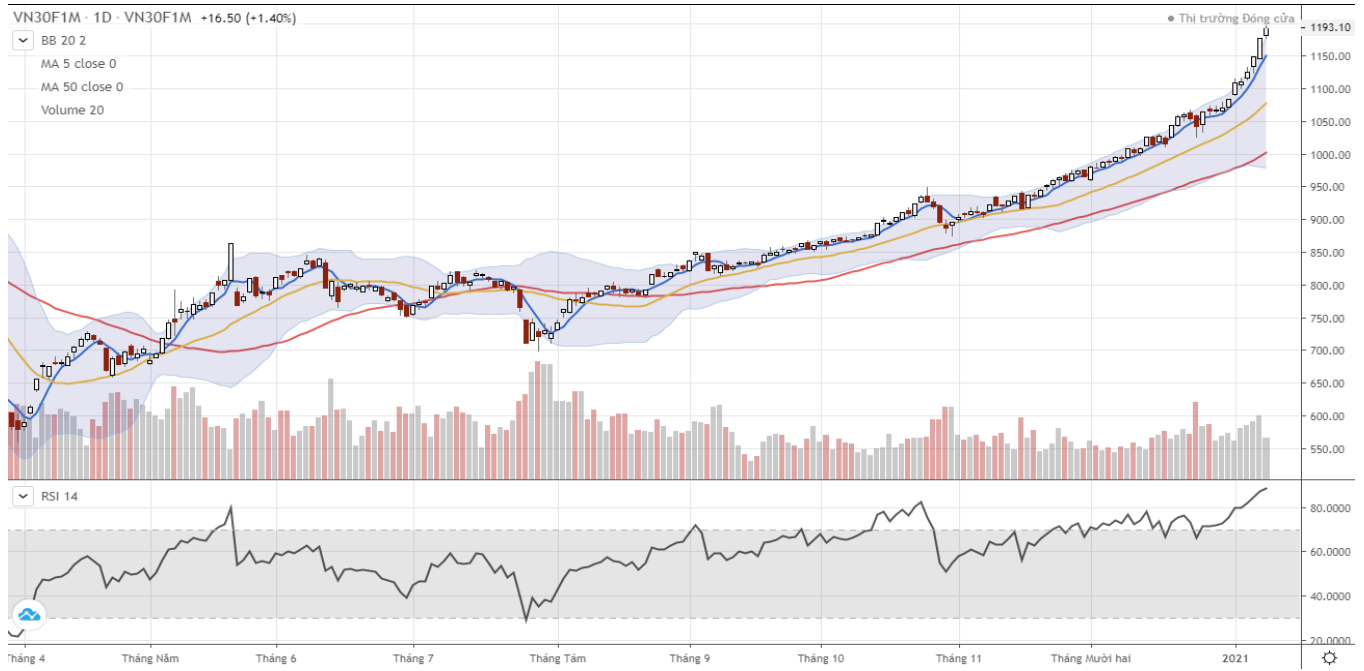
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở gap tăng điểm, rung lắc nhẹ trong phiên trước khi dần mở rộng đà tăng về cuối phiên.
- Với xung lực tăng điểm vẫn đang khá tích cực, chỉ số nhiều khả năng sẽ sớm thử thách vùng đỉnh quanh 1200 trong những phiên tới. Đây là vùng đỉnh lịch sử mang tính trung dài hạn và mặc dù cơ hội vượt đỉnh đang được đánh giá cao nhưng có thể sẽ xuất hiện các nhịp rung lắc điều chỉnh mạnh.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn, kết hợp mua/bán trading quay vòng 1 phần nhỏ ngắn hạn khi nhịp rung lắc xảy ra.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1201-1205

Kháng cự gần: 1195-1197

Hỗ trợ gần: 1188-1190

Hỗ trợ xa: 1182-1184

— F1 mở gap tăng điểm với nhịp tăng gổ đầu tích cực về cuối phiên.

— Sau khi bứt phá khỏi vùng đỉnh trung - dài hạn từ đầu năm 2018 ở 1180, chỉ số nhiều khả năng sẽ sớm thử thách vùng điểm 1200, tương ứng khi VN30 tiến lên vùng đỉnh cũ. Đây là vùng đỉnh lịch sử mang tính trung dài hạn và mặc dù cơ hội vượt đỉnh đang được đánh giá cao nhưng có thể sẽ xuất hiện các nhịp rung lắc điều chỉnh mạnh.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều trong phiên.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Chờ nhịp điều chỉnh rõ nét trước khi mở lại vị thế LONG.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

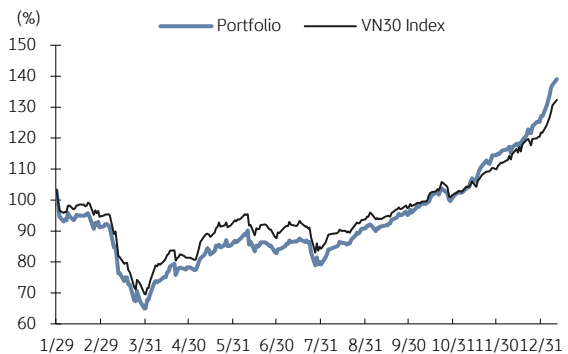
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.35%	1.32%
Tăng lũy kế (YTD)	32.35%	39.04%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 11/01/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	126,200	3.6%	8.9%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	34,400	4.2%	40.7%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	82,700	0.4%	7.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	26,350	-0.9%	53.6%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	51,200	-0.2%	50.6%	- Màng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	64,700	2.2%	93.3%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	38,700	0.0%	58.6%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	93,300	0.6%	27.1%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	43,050	0.7%	120.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	28,200	2.5%	105.8%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
KBC	2.6%	15.3%	181.2
VRE	4.7%	30.8%	97.1
FUEVFNVD	1.8%	99.9%	92.2
E1VFN30	1.7%	98.0%	87.7
MSB	0.5%	29.2%	69.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
LPB	-1.1%	4.9%	-210.5
HPG	0.7%	32.9%	-182.8
VND	-4.4%	31.4%	-122.2
VIC	1.8%	13.9%	-63.5
CTG	0.0%	29.0%	-46.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TAR	0.0%	0.3%	0.8
SZB	-0.9%	4.6%	0.7
SHB	-1.6%	6.5%	0.2
TIG	1.3%	14.1%	0.5
BAX	-0.4%	6.0%	0.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	-1.9%	7.3%	-11.8
PVS	2.4%	10.7%	-8.4
BVS	-0.4%	17.3%	-5.1
VCS	4.9%	3.5%	-3.5
APS	6.7%	23.7%	-2.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	11.0%	TCH, DRC
Bất động sản	9.5%	VHM, VIC
Công nghệ thông tin	7.5%	FPT, SAM
Dầu khí	6.0%	PLX, PVD
Ngân hàng	5.6%	VCB, CTG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-0.9%	YEG, PNC
Hóa chất	1.2%	GVR, TNC
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.2%	APH, ASG
Tài nguyên Cơ bản	1.7%	POM, VIS
Y tế	1.8%	DMC, PME

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	13.2%	TCH, DRC
Bất động sản	13.0%	VHM, VIC
Công nghệ thông tin	11.7%	FPT, SAM
Ngân hàng	9.1%	VCB, TCB
Dịch vụ tài chính	8.7%	FIT, SSI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	-0.1%	GVR, TNC
Truyền thông	0.0%	YEG, PNC
Y tế	2.2%	JVC, PME
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.5%	APH, ASG
Tài nguyên Cơ bản	4.2%	POM, VIS

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDmn)	GTGD (VNĐtriệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	113,800	384,921 (16,690)	105,543 (4.6)	22.8	68.2	46.7	14.2	6.4	8.5	4.0	3.6	1.8	5.4	6.6	5.2
	VHM	VINHOMES JSC	103,100	339,149 (14,705)	255,333 (11.1)	26.9	12.8	10.8	34.2	36.8	30.9	4.0	3.0	7.0	12.1	21.3	15.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	37,150	84,417 (3,660)	303,432 (13.1)	18.2	37.3	26.9	-11.8	8.2	10.8	2.9	2.7	4.6	17.4	29.9	18.3
	NVL	NO VA LAND INVES	75,500	74,465 (3,229)	306,698 (13.3)	32.8	19.3	18.5	3.1	14.7	13.5	2.8	2.4	-0.3	16.0	18.2	14.4
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	32,550	18,189 (789)	50,761 (2.2)	10.9	16.8	14.6	13.9	14.0	15.1	2.3	2.1	6.7	10.9	16.5	11.1
	DXG	DAT XANH GROUP	17,550	9,096 (394)	137,985 (6.0)	13.4	16.2	8.8	-54.0	4.3	13.6	1.3	1.1	2.3	7.0	18.6	10.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	104,500	387,578 (16,805)	92,188 (4.0)	6.2	24.2	20.0	10.4	19.2	19.2	4.1	3.4	-0.3	5.6	7.5	6.7
	BID	BANK FOR INVESTM	48,250	194,062 (8,414)	120,806 (5.2)	12.6	34.7	21.8	-7.2	9.3	12.2	2.4	2.2	-0.5	0.0	5.3	0.7
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	35,250	123,548 (5,357)	552,820 (23.9)	0.0	11.0	9.5	9.3	16.8	16.4	1.7	1.4	-1.3	6.8	37.4	11.9
	CTG	VIETNAM JS COMM	38,700	144,096 (6,248)	314,617 (13.6)	1.1	15.3	11.5	31.2	12.6	14.8	1.7	1.5	0.0	9.0	11.4	12.0
	VPB	VIETNAM PROSPERI	35,200	86,407 (3,747)	201,217 (8.7)	0.0	9.5	8.2	10.5	19.0	18.5	1.7	1.4	-1.0	2.9	24.4	8.3
	MBB	MILITARY COMMERC	26,350	73,747 (3,198)	468,721 (20.3)	0.1	9.3	8.1	12.5	18.8	17.9	1.6	1.3	-0.9	11.0	23.7	15.6
	HDB	HDBANK	26,850	42,793 (1,855)	145,151 (6.3)	4.6	9.5	8.0	24.7	19.2	19.0	1.7	1.4	-0.9	11.4	20.7	13.1
	STB	SACOMBANK	20,100	36,253 (1,572)	468,490 (20.3)	14.2	20.7	16.2	11.5	7.1	8.4	1.3	1.2	3.6	14.5	27.2	18.9
	TPB	TIEN PHONG COMME	28,200	29,093 (1,261)	77,235 (3.3)	0.0	8.6	7.9	34.8	22.3	19.9	1.8	1.5	-1.1	1.4	26.5	5.2
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	20,200	24,835 (1,077)	10,547 (0.5)	0.0	29.1	33.3	13.6	5.3	4.4	1.5	1.4	-1.0	3.6	18.1	4.9
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	68,100	50,552 (2,192)	89,185 (3.9)	20.6	40.3	32.3	4.0	6.6	8.2	2.5	2.4	-0.3	2.7	18.4	3.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	32,150	2,937 (127)	22,770 (1.0)	14.8	17.5	15.5	9.7	8.5	9.4	1.3	1.2	0.5	1.3	6.1	5.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,550	20,097 (871)	377,260 (16.3)	53.9	17.4	16.3	-4.1	10.3	11.7	-	-	-1.8	-0.7	42.5	1.4
	VCI	VIET CAPITAL SEC	58,400	9,671 (419)	82,983 (3.6)	71.3	-	-	-	11.1	13.0	-	-	-3.3	-3.2	33.9	0.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	31,900	9,731 (422)	156,821 (6.8)	52.6	-	-	-	11.0	17.1	-	-	-2.1	-0.3	16.2	1.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	28,300	5,901 (256)	119,392 (5.2)	17.6	-	-	-	7.4	11.2	-	-	-4.4	-7.5	38.7	-5.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	115,900	242,190 (10,501)	292,557 (12.7)	42.2	23.6	21.6	6.2	38.9	39.1	8.2	7.5	3.5	6.0	2.9	6.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	202,300	129,731 (5,625)	21,728 (0.9)	36.8	30.5	24.9	3.5	22.4	24.9	6.3	5.6	2.1	1.5	-1.2	3.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	94,100	110,538 (4,793)	129,565 (5.6)	15.4	101.8	41.8	-52.5	3.5	8.8	3.5	3.3	1.1	5.8	11.4	5.8
	HNG	HOANG ANH GIA LA	16,300	18,069 (783)	120,295 (5.2)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-3.8	9.4	12.8	12.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,300	68,780 (2,982)	83,928 (3.6)	11.3	-	31.5	-	-4.3	14.1	4.8	4.2	3.8	4.4	7.4	5.0
	GMD	GEMADEPT CORP	34,100	10,277 (446)	151,924 (6.6)	10.4	25.0	22.9	-53.1	7.1	7.5	1.7	1.7	0.6	3.0	9.6	4.6
	CII	HO CHI MINH CITY	23,700	5,660 (245)	65,147 (2.8)	41.6	12.5	11.7	136.8	9.1	8.9	1.1	1.0	6.3	7.0	26.4	10.7
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,690	1,527 (066)	29,349 (1.3)	46.5	-	-	-	-	-	-	-	6.7	5.9	24.0	6.3
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	24,800	11,953 (518)	235,232 (10.2)	37.0	34.0	14.3	-17.7	11.3	12.4	-	-	6.0	8.3	19.2	10.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	78,600	5,997 (260)	97,978 (4.2)	3.0	12.1	10.9	-40.4	6.3	6.5	0.7	0.7	2.2	2.7	11.5	1.2
	REE	REE	51,200	15,823 (686)	25,388 (1.1)	0.0	10.7	9.4	-8.7	13.4	13.6	1.4	1.3	-0.2	1.8	7.8	4.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	93,300	178,572 (7,743)	92,505 (4.0)	45.9	21.9	18.2	-14.9	17.0	19.3	3.6	3.7	0.6	5.1	8.4	7.7
	NT2	PETROVIETNAM NHO	26,000	7,485 (325)	19,877 (0.9)	30.3	11.8	11.0	-8.4	13.7	16.9	1.9	1.8	4.2	4.6	10.2	5.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,150	8,384 (364)	9,096 (0.4)	33.7	11.0	10.1	-17.4	13.1	14.4	1.4	1.4	2.1	6.7	7.6	7.0
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	43,050	142,637 (6,185)	794,576 (34.4)	16.1	12.4	9.8	15.5	21.1	21.6	2.6	2.2	0.7	1.8	11.0	3.9
	DPM	PETROVIETNAM FER	19,500	7,631 (331)	69,411 (3.0)	36.2	10.8	11.8	8.0	9.7	8.9	0.9	0.9	1.0	1.6	9.2	3.7
	DCM	PETRO CA MAU FER	14,250	7,544 (327)	63,603 (2.8)	46.1	13.3	17.5	-2.1	10.1	7.8	1.2	1.2	-0.3	1.1	14.0	1.8
	HSG	HOA SEN GROUP	24,100	10,708 (464)	187,178 (8.1)	37.1	9.3	8.4	67.9	15.9	15.5	1.4	1.2	0.0	1.7	16.4	8.8
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	15,800	3,504 (152)	56,283 (2.4)	96.9	8.6	9.2	38.5	11.7	10.1	1.0	0.9	4.3	8.6	22.0	9.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	57,300	69,838 (3,028)	51,204 (2.2)	4.2	62.0	20.8	-43.1	5.1	14.9	2.9	2.8	2.0	4.4	8.1	4.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	21,000	8,844 (383)	170,898 (7.4)	39.4	67.0	66.0	-6.2	0.9	0.9	0.7	0.7	6.9	21.4	55.0	29.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	15,300	4,952 (215)	55,433 (2.4)	34.7	9.6	9.3	-8.6	11.1	10.4	0.9	0.8	1.7	5.2	15.5	9.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	126,200	57,119 (2,477)	135,285 (5.9)	0.0	14.8	11.4	12.9	28.1	28.7	3.7	3.0	3.6	4.6	10.4	6.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	82,700	18,810 (816)	57,674 (2.5)	0.0	19.3	15.7	3.4	21.5	22.5	3.7	3.2	0.4	1.2	6.8	2.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	46,100	1,442 (063)	1,615 (0.1)	70.4	19.4	14.1	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.2	0.2	-1.5	3.1	0.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	34,150	2,697 (117)	90,091 (3.9)	31.0	81.4	24.3	-48.9	2.8	9.3	2.2	2.2	0.6	5.7	34.2	6.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	67,700	9,173 (398)	64,560 (2.8)	35.0	10.4	9.6	29.5	35.5	32.6	-	-	3.4	6.4	9.2	7.5
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	108,000	14,121 (612)	943 (0.0)	45.3	18.8	18.5	13.6	21.4	20.3	3.7	3.4	0.0	3.3	2.7	3.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	75,600	5,671 (246)	884 (0.0)	11.7	-	-	-	-	-	-	-	-0.5	-0.7	-3.1	-1.2
IT	FPT	FPT CORP	64,700	50,719 (2,199)	124,692 (5.4)	0.0	15.0	12.8	19.4	23.5	25.1	3.1	2.8	2.2	7.5	13.5	9.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh
anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu
hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.